

Số: 2203-..A1../TTr-HĐQT.2021

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2021
Ho Chi Minh City, March 22nd, 2021

**TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
SUBMISSION TO ANNUAL GENERAL
MEETING OF SHAREHOLDERS OF 2021**

V/v: Thông qua Điều lệ sửa đổi
Ref: To approve the revised Charter

Căn cứ/ Pursuant to:

- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Securities Law No. 54/2019/QH14 on November 26th, 2019;
- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
Enterprise Law No. 59/2020/QH14 on June 17th, 2020;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
Decree No. 155/2020/NĐ-CP on December 31st, 2020;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020;
Circular No. 116/2020/TT-BTC on December 31st, 2020;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt ("Nhãn hiệu Việt").
Charter of Viet Brand Invest Joint Stock Company ("Viet Brand").

Đề tuân thủ những quy định của Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Thông tư 116/2020/TT-BTC, Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt đã được sửa đổi, bổ sung phù hợp với Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng.

In order to comply with the provisions of Decree 155/2020/NĐ-CP and Circular 116/2020/TT-BTC, the Charter of Viet Brand Invest Joint Stock Company has been amended and supplemented in accordance with the applicable sample charter for public companies.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Điều lệ sửa đổi như đính kèm.

Board of Directors of Viet Brand Invest Joint Stock Company would like to propose to Annual General Meeting of Shareholders to approve the revised Charter with the following adjustment as attached.

Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua.


Board of Directors would like to propose to Annual General Meeting of Shareholders of 2021 to consider to approve.

Trân trọng./ Best regards.

Đính kèm/ Enclosure:

1. Bảng so sánh Điều lệ hiện hành và Điều lệ sửa đổi;
Comparison table of current charter and revised charter;
2. Điều lệ sửa đổi.
The revised Charter.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
CHAIRMAN OF BOARD OF DIRECTORS**



HO, FENG TAO

TÓM TẮT CÁC ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI	CƠ SỞ PHÁP LÝ
PHẦN MỞ ĐẦU Điều lệ này của Công ty cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 19 tháng 05 năm 2020	Bỏ “PHẦN MỞ ĐẦU”	Nội dung về thông qua Điều lệ được quy định tại Điều 56 của Điều lệ.
CĂN CỨ PHÁP LÝ -Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp.	Bỏ quy định về “CĂN CỨ PHÁP LÝ”	“CĂN CỨ PHÁP LÝ” không phải là nội dung bắt buộc phải có trong Điều lệ. Văn bản pháp luật có thể được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm, do vậy, việc liệt kê “CĂN CỨ PHÁP LÝ” có thể là không đầy đủ và không cập nhật.
<u>CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</u>	<u>CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</u>	
Điều 1. Định nghĩa	Điều 1. Định nghĩa	Sắp xếp lại thứ tự điều khoản theo thứ tự chữ cái tiếng Việt.
Điểm 1.b: “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;	Điểm 1.b trở thành Điểm 1.1.(f) và được sửa đổi như sau: “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và những sửa đổi, bổ sung Luật này tùy từng thời điểm;	Luật Doanh nghiệp hiện hành là Luật Doanh nghiệp 2020.
	Bổ sung định nghĩa “Luật Chứng khoán” vào điểm 1.1.(g) như sau: “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm	Nội dung Điều lệ Công ty dẫn chiếu đến Luật Chứng khoán.

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

	2019 và những sửa đổi, bổ sung Luật này tùy từng thời điểm;	
<p>Điểm 1.c:</p> <p>“Pháp luật” là tất cả văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 22 tháng 06 năm 2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);</p>	<p>Điểm 1.c trở thành điểm 1.1.(j), và được sửa đổi như sau:</p> <p>“Pháp luật” nghĩa là các luật, nghị định, thông tư, quyết định, quy định hoặc các văn bản khác có hiệu lực pháp luật tại Việt Nam được ban hành bởi các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam;</p>	
<p>Điểm 1.f:</p> <p>“Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký <u>kinh doanh</u> lần đầu;</p>	<p>Điểm 1.f trở thành điểm 1.1(h), và được sửa đổi như sau:</p> <p>“Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký <u>doanh nghiệp</u> lần đầu;</p>	<p>Sửa đổi “<i>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</i>” thành “<i>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</i>”</p>
<p>Điểm 1.h.</p> <p>“Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định tại Điều 4.17 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Điểm 1.h trở thành điểm 1.1.(i), và được sửa đổi như sau:</p> <p>“Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ; (ii) Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con; (iii) Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của Công ty thông qua sở hữu, đầu tư góp vốn, phân vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của Công ty; (iv) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác, người đại diện theo pháp luật, thành viên Ban kiểm soát; (v) Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, 	<p>Quy định chi tiết nội dung theo Điều 4.23, Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

	<p>em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác, người đại diện theo pháp luật, thành viên Ban kiểm soát, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;</p> <p>(vi) Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại các điểm i, ii và iii khoản này;</p> <p>(vii) Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm i, ii, iii, iv, v và vi khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của công ty.</p>	
	<p>Bổ sung định nghĩa “Sở giao dịch chứng khoán” tại Điểm 1.1.(l) như sau:</p> <p>“Sở giao dịch chứng khoán” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.</p>	
<u>CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC PHÁP LÝ, TRỤ SỞ, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</u>	<u>CHƯƠNG II. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY</u>	Điều chỉnh tiêu đề Chương II thành “THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY”
<p>Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, cơ cấu tổ chức và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>1. Tên Công ty</p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Tên tiếng Việt</u>: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT - <u>Tên tiếng Anh</u>: VIET BRAND INVEST JOINT STOCK COMPANY - <u>Tên viết tắt</u>: VIET BRAND <p>2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.</p>	<p>Điều 2. Thông tin chung của Công ty</p> <p>2.1. Tên Công ty</p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Tên Công ty viết bằng tiếng Việt</u>: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT - <u>Tên Công ty viết bằng tiếng Anh</u>: VIET BRAND INVEST JOINT STOCK COMPANY - <u>Tên Công ty viết tắt</u>: VIET BRAND <p>2.2. Trụ sở đăng ký của Công ty là: CR3 – 16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Email: info@vbinvest.com.vn 	<p>Ghi chú, theo nội dung cập nhật:</p> <p>(1) Tách Điều 2 thành Điều 2 (<i>Thông tin chung của Công ty</i>) và Điều 3 (<i>Người đại diện theo pháp luật của Công ty</i>);</p> <p>(2) Bổ quy định “<i>Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam</i>”;</p> <p>(3) Đối với quy định về thời hạn hoạt động, bổ trường hợp “<i>trừ khi được gia hạn hoạt động</i>”.</p>

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: CR3 – 16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Email: info@vbinvest.com.vn - Website: www.vbinvest.com.vn <p>4. <u>Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</u></p> <p>Đại diện theo pháp luật của Công ty gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.</p> <p>a. Quyền của người đại diện theo pháp luật:</p> <p>Người đại diện theo pháp luật có các quyền theo quy định tại Điều lệ của Công ty và theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>b. <u>Trách nhiệm và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:</u></p> <p>Thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.</p> <p>6. <u>Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 50.2 và Điều 52 và/hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</u></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Website: www.vbinvest.com.vn <p>2.3. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.</p> <p>2.4. <u>Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 52 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.</u></p> <p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <p>3.1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.</p> <p>3.2. Người đại diện theo pháp luật đại diện Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách <u>người yêu cầu giải quyết việc dân sự</u>, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Lí do: thời hạn hoạt động quy định tại Điều lệ là “<i>vô thời hạn kể từ ngày thành lập</i>”, do vậy, không cần thêm quy định về gia hạn hoạt động.</p> <p>(4) Đối với quy định về đại diện theo pháp luật, loại bỏ quy định trùng lặp, bổ sung tư cách “<i>người yêu cầu giải quyết việc dân sự</i>” theo quy định của Khoản 1, Điều 12, Luật Doanh nghiệp 2020.</p>
---	--	---

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY			CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY		
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty 1. <u>Lĩnh vực</u> kinh doanh của Công ty là:			Điều 3 trở thành Điều 4, và Khoản 1 của Điều này được sửa đổi như sau: Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 4.1. <u>Ngành nghề</u> kinh doanh của Công ty là:		
STT	Tên ngành	Mã ngành	STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, ăn uống.	5610	1.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	7020 (Chính)
2.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210	2.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	6619
3.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, công nghiệp, bến bãi, giao thông, thủy lợi; xây dựng hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp, khu du lịch.	4299	3.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, ăn uống	5610
4.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641	4.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống	5629
5.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771	5.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
6.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các	8230	6.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn rau quả, chè, cà phê (không hoạt động tại trụ sở)	4632

Ghi chú, theo nội dung cập nhật:
 (1) Sửa đổi “*lĩnh vực kinh doanh*” thành “*ngành nghề kinh doanh*”; Sắp xếp lại ngành nghề kinh doanh theo thứ tự ngành nghề kinh doanh chính và các ngành nghề kinh doanh liên quan đến nhau;
 (2) Bổ sung “*trừ kinh doanh kho bãi*” vào mã ngành 5210 để phù hợp với thông tin hiện đang được đăng ký trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

	chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).		7.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771	
7.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).	7020 (Chính)	8.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ rau, quả, chè, cà phê trong các cửa hàng chuyên doanh. (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh)	4722	
8.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn rau quả, chè, cà phê (không hoạt động tại trụ sở)	4632	9.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi)	5210	
9.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ rau, quả, chè, cà phê trong các cửa hàng chuyên doanh. (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh)	4722	10.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, công nghiệp, bến bãi, giao thông, thủy lợi; xây dựng hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp, khu du lịch	4299	
10.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống.	5629	11.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230	
11.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Rang và lọc cà phê; Sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hoà tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc; Sản xuất các chất thay thế cà phê (không hoạt động tại trụ sở)	1079	12.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được	1079	
12.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu	6619				

Lưu ý:**Điểm nổi bật và gạch chân:** Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung**Gạch chân:** Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p>Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).</p>	<p>phân vào đầu</p> <p>Chi tiết: Rang và lọc cà phê; Sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hoà tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc; Sản xuất các chất thay thế cà phê (không hoạt động tại trụ sở)</p>	
<p>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p> <ol style="list-style-type: none"> Công ty được phép <u>lập kế hoạch</u> và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh <u>theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</u> và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn. 	<p>Điều 4 trở thành Điều 5 và được sửa đổi như sau:</p> <p>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p> <p>Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này <u>đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.</u></p>	<p>Ghi chú, theo nội dung cập nhật:</p> <p>(1) Sửa đổi quy định về việc tiến hành hoạt động kinh doanh khi “<i>đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia</i>” để đảm bảo tuân thủ quy định về đăng ký doanh nghiệp, hoạt động kinh doanh.</p>
<p><u>CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP</u></p>	<p><u>CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP</u></p>	
<p>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <ol style="list-style-type: none"> Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng (bằng chữ: hai trăm tỷ đồng chẵn). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 20.000.000 (hai mươi triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 (mười ngàn) đồng/cổ phần. 	<p>Điều 5 trở thành Điều 6 và được sửa đổi như sau:</p> <p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <ol style="list-style-type: none"> Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng (bằng chữ: hai trăm tỷ đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 20.000.000 (hai mươi triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 (mười ngàn) đồng/cổ phần. 	<p>Ghi chú, theo nội dung cập nhật:</p> <p>(1) Sửa đổi quy định tại Khoản 3 từ “<i>tăng vốn điều lệ</i>” sang “<i>thay đổi vốn điều lệ</i>”.</p> <p>(2) Khoản 6 được sửa đổi như sau để phù hợp với Khoản 3, Điều 124, Luật Doanh nghiệp 2020: “... <i>Hội</i></p>

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p>3. Công ty có thể <u>tăng</u> vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ có cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại <u>Điều 12</u> và <u>Điều 13</u> của Điều lệ này.</p> <p>5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp tối thiểu hai mươi ngày làm việc để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó <u>cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn</u> so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán theo phương pháp đấu giá.</p> <p>7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. <u>Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều</u></p>	<p>6.3. Công ty có thể <u>thay đổi</u> vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>6.4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ có cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại <u>Điều 13</u> và <u>Điều 14</u> của Điều lệ này.</p> <p>6.5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>6.6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp tối thiểu hai mươi (20) ngày làm việc để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó <u>cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn</u> so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán theo phương pháp đấu giá.</p> <p>6.7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.</p>	<p><i>đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó <u>cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn</u> so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu...”</i></p> <p>(3) Khoản 7, bỏ quy định “<i>Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.</i>”</p> <p>Quy định cụ thể về mua lại cổ phần được nêu tại Điều 10 của Điều lệ.</p> <p>(4) Khoản 8: Lược bỏ quy định “<i>nhất trí thông qua</i>”, “<i>bằng văn bản</i>” để tránh gây nhầm lẫn về thủ tục và tổng số phiếu biểu quyết cần thiết để thông qua quyết định phát hành các loại chứng khoán.</p> <p>Đồng thời, ngoài việc tuân thủ “<i>quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán</i>”, việc phát hành chứng khoán còn cần tuân thủ Luật Doanh nghiệp (Điều 129), do vậy, để tránh nhầm lẫn, nên quy định chung việc phát hành các loại chứng khoán khác phải “<i>phù hợp với quy định của pháp luật</i>”.</p> <p>(5) Bỏ Khoản 9, do đã được quy định tại Khoản 3 nêu trên.</p>
---	--	---

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p><u>lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.</u></p> <p>8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông <u>nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</u></p> <p>9. <u>Việc giảm vốn Điều lệ của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng vẫn phải đảm bảo điều kiện vốn pháp định theo quy định hiện hành.</u></p>	<p>6.8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông <u>thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.</u></p>	
<p>Điều 6. Sổ đăng ký cổ đông</p> <p>1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp <u>Giấy phép Thành lập và hoạt động.</u></p> <p>5. <u>Trường hợp chứng nhận sở hữu cổ phần bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</u></p>	<p>Điều 6 trở thành Điều 7; Khoản 1 và Khoản 5 của Điều này được sửa đổi như sau:</p> <p>Điều 7. Sổ đăng ký cổ đông</p> <p>7.1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp <u>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</u></p> <p>7.5. <u>Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</u></p> <p>(a) <u>Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</u></p> <p>(b) <u>Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</u></p>	<p>Ghi chú, theo nội dung cập nhật:</p> <p>(1) Sửa đổi nội dung Khoản 1 “<i>Giấy phép Thành lập và hoạt động</i>” thành “<i>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</i>”.</p> <p>(2) Sửa đổi nội dung Khoản 5 để phù hợp với Khoản 3, Điều 121, Luật Doanh nghiệp 2020.</p>
<p>Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định</p>	<p>Điều 7 trở thành Điều 8. Khoản 1, Khoản 6, và Khoản 7 của Điều này được sửa đổi như sau:</p> <p>Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>8.1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy</p>	<p>Ghi chú, theo nội dung cập nhật:</p>

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p>khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo <u>các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán</u>.</p> <p>6. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.</p> <p>7. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.</p>	<p>định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo <u>các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán</u>.</p> <p>8.6. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty kể từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 <u>Điều 122</u> của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.</p> <p>8.7. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán <u>và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật</u>.</p>	<p>(1) Khoản 1: Bỏ cụm từ “của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán”.</p> <p>(2) Khoản 7: Bổ sung “và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật”.</p>
<p>Điều 8. Thu hồi cổ phần</p> <p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại <u>cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh</u> do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.</p> <p>2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), <u>địa điểm thanh toán</u> và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p> <p>3. <u>Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí</u></p>	<p>Điều 8 trở thành Điều 9 và được sửa đổi như sau:</p> <p>Điều 9. Thu hồi cổ phần</p> <p>9.1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả <u>để</u> mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại <u>và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công Ty phát sinh</u> do việc không thanh toán đầy đủ.</p> <p>9.2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), <u>phương thức thanh toán</u> và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p>	<p>Sửa đổi điều này căn cứ theo quy định tại Khoản 4, Điều 113, Luật Doanh nghiệp 2020, và Điều 10, Điều lệ mẫu áp dụng đối với Công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.</p>

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p>liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần chưa bán theo quy định tại <u>khoản 4, Điều 111</u> Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối <u>hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác</u> theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, <u>nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan công với tiền lãi theo lãi suất cho vay công bố cao nhất của các Ngân hàng tại Việt Nam cho thời hạn một (01) năm</u> vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi <u>hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.</u></p> <p>6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cần trong việc gửi thông báo.</p>	<p>9.3. <u>Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</u></p> <p>9.4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần chưa bán theo quy định tại <u>khoản 4, Điều 112</u> Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, phân phối lại theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>9.5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, <u>nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh</u> vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p> <p>9.6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cần trong việc gửi thông báo.</p>	
<p>Điều 9. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty</p> <p>1. Công ty có quyền mua lại không quá ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần phổ thông đã bán. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá</p>	<p>Điều 9 trở thành Điều 10.</p> <p>Khoản 1 của Điều này được sửa đổi như sau:</p> <p>Điều 10. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty</p> <p>10.1. Công ty có quyền mua lại không quá ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần phổ thông đã bán.</p>	<p>Ghi chú, theo nội dung cập nhật:</p> <p>(1) Khoản 1: Sửa đổi từ “(10%) tổng số cổ phần của từng loại <u>đã được chào bán</u>” thành “10%) tổng số cổ</p>

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai (12) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.	10.2. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn mười hai (12) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.	phần của từng loại <u>đã bán</u> ” theo quy định tại Khoản 1, Điều 133, Luật Doanh nghiệp 2020.
<u>CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT</u>	<u>CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT</u>	
Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm: a. Đại hội đồng cổ đông; b. Hội đồng quản trị; c. <u>Ban Tổng giám đốc</u> ; d. Ban kiểm soát.	Điều 11 trở thành Điều 12 và được sửa đổi như sau: Điều 12. Cơ cấu tổ chức quản lý Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm: a. Đại hội đồng cổ đông b. Hội đồng quản trị c. <u>Tổng giám đốc</u> d. Ban kiểm soát	Sửa đổi từ “ <i>Ban Tổng giám đốc</i> ” thành “ <i>Tổng giám đốc</i> ” theo quy định tại điểm a, Khoản 1, Điều 137, Luật Doanh nghiệp 2020.
<u>CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</u>	<u>CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</u>	
Điều 12. Quyền của cổ đông 1. Cổ đông là <u>người chủ sở hữu</u> Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về <u>nợ</u> và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. 2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc theo hình thức	Điều 12 trở thành Điều 13 và được sửa đổi như sau: Điều 13. Quyền của cổ đông 13.1. Cổ đông là <u>cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phần</u> của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về <u>các khoản nợ</u> và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. 13.2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:	Cập nhật theo quy định tại điểm c, Khoản 1, Điều 111, và Khoản 1, Điều 115, Luật Doanh nghiệp 2020. Ghi chú, theo nội dung cập nhật: (1) <u>Quyền mới được bổ sung đối với “cổ đông lớn”</u> là quyền: (i) xem xét, tra cứu, trích lục hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan

Lưu ý:**Điểm nổi bật và gạch chân:** Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung**Gạch chân:** Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p>khác quy định tại <u>Điều 140 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty</u>. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;</p> <p>d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;</p> <p>e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p>f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;</p> <p>h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129.1 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</p> <p>3. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm đủ ít nhất năm phần trăm (05%) cổ phần cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:</u></p> <p>a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các <u>Khoản 4 Điều 26 và Khoản 2 Điều 38</u>.</p>	<p>(a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác <u>do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định</u>. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</p> <p>(b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>(c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;</p> <p>(d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, <u>trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan</u>;</p> <p>(e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác <u>của mình</u>;</p> <p>(f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>(g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;</p> <p>(h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>(i) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</p> <p>13.3. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông có các quyền sau:</u></p>	<p>đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty; và (ii) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.</p>
--	---	--

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p>b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại <u>Điều 114 và Điều 136</u> của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm <u>theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam</u> và các báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, <u>địa chỉ thường trú</u>, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, <u>địa chỉ thường trú</u>, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.</p>	<p>(a) Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các <u>Điều 27.4 và Điều 39.3</u> của Điều lệ này;</p> <p>(b) Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại <u>Điều 115 và Điều 140</u> của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>(c) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, <u>quyết định</u> của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, <u>hợp đồng hoặc giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty</u>;</p> <p>(d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, <u>địa chỉ liên lạc</u>, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, <u>địa chỉ liên lạc</u>, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p>	
---	--	--

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

	<p>(e) <u>Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều 19.4 của Điều lệ này;</u></p> <p>(f) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>Cổ đông có nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Thanh toán đầy đủ, đúng hạn số cổ phần cam kết mua và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông vào Công ty. Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật. Nếu có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; <u>Tham dự trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do pháp luật, Điều lệ công ty quy định;</u> Cung cấp địa chỉ thường trú, địa chỉ email, số điện thoại liên lạc chính xác khi đăng ký mua cổ phần; 	<p>Điều 13 trở thành Điều 14 và được sửa đổi như sau:</p> <p>Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>Cổ đông có nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Thanh toán đầy đủ, đúng hạn số cổ phần cam kết mua. Không được rút <u>vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông</u> ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; Chấp hành <u>Nghị quyết</u>, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; Cung cấp địa chỉ <u>liên lạc</u>, địa chỉ email, số điện thoại liên lạc chính xác khi đăng ký mua cổ phần; <u>Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi cho các tổ chức, cá nhân khác;</u> 	<p>Sửa đổi nội dung về Nghĩa vụ của cổ đông theo quy định tại Điều 119, Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>Ghi chú, theo nội dung cập nhật:</p> <p>(1) Bỏ quy định về nghĩa vụ “<i>Tham dự trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do pháp luật, Điều lệ công ty quy định</i>” tại Khoản 3, Điều lệ hiện hành. Đây là quyền của cổ đông, và không phải là nghĩa vụ của cổ đông.</p> <p>(2) Nghĩa vụ mới được bổ sung là nghĩa vụ bảo mật thông tin.</p>

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p>5. <u>Hoàn thành</u> các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>14.5. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	
<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> Đại hội đồng cổ đông là <u>cơ quan có thẩm quyền cao nhất</u> của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <u>Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</u> Hội đồng quản trị <u>tổ chức triệu tập họp</u> Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: <ol style="list-style-type: none"> Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ <u>Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định</u> hoặc ít hơn một nửa (1/2) số thành viên quy định trong Điều lệ; 	<p>Điều 14 trở thành Điều 15 và được sửa đổi như sau:</p> <p>Điều 15. Đại hội đồng cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> Đại hội đồng cổ đông <u>gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất</u> của Công ty. Đại hội cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <u>Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</u> Hội đồng quản trị <u>triệu tập họp</u> Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập <u>có thể</u> được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: <ol style="list-style-type: none"> Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; 	<p>Sửa đổi theo quy định tại Khoản 1, Điều 13, Điều 139, và Điều 140, Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>Ghi chú, theo nội dung cập nhật:</p> <p>(1) Việc gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị quyết định, thay vì Cơ quan đăng ký kinh doanh quyết định;</p> <p>(2) Bổ sung trường hợp Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi số lượng thành viên “<i>Ban kiểm soát</i>” còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Thay đổi “<i>Số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này thay vì “Ít hơn một nửa (1/2) số thành viên” như quy định cũ;</i></p> <p>(3) Đối với trường hợp Ban kiểm soát yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, bổ sung yêu cầu về việc “<i>nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội</i></p>

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, hoặc Giấy chứng minh nhân dân, hoặc Hộ chiếu, hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty và căn cứ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);</p> <p>e. <u>Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền;</u></p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 14;</p>	<p>(b) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p> <p>(c) <u>Số thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát</u> ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc <u>số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3)</u> so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</p> <p>(d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <u>Điều 13.3</u> của Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, hoặc Giấy chứng minh nhân dân, hoặc Hộ chiếu, hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty và căn cứ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);</p> <p>(e) <u>Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</u></p> <p>(f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	<p><i>đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền”;</i></p> <p>(4) Cổ đông lớn có quyền yêu cầu triệu tập họp khi Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, mà không cần chờ thời hạn “ba mươi (30) ngày tiếp theo”.</p>
---	--	---

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>Điểm a Khoản 4 Điều 14</u> thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <u>Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp</u>.</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>Điểm b Khoản 4 Điều 14</u> thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, <u>cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 14 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp</u>; Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.</p> <p>d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí ăn ở, đi lại và chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội cổ đông.</p>	<p>15.4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>(a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại <u>Điều 15.3.(c)</u> hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại <u>Điều 15.3.(d), (e)</u>.</p> <p>(b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>Điều 15.4.(a)</u> thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp</u>.</p> <p>(c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>Điều 15.4.(b)</u> thì <u>cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điều 15.3.(d) có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp</u>. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.</p> <p>(d) Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí ăn ở, đi lại và chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông.</p>	
---	--	--

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>b. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần; Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. <u>Lựa chọn công ty kiểm toán;</u></p> <p>e. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát <u>và thông qua việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;</u></p> <p>f. <u>Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</u></p> <p>g. Quyết định bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;</p> <p>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty <u>và chỉ định người thanh lý;</u></p> <p>k. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p>	<p>Điều 15 trở thành Điều 16. Khoản 2 của Điều này được sửa đổi như sau:</p> <p>Điều 16. Quyền và <u>nghĩa</u> vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>16.2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>(a) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>(b) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>(c) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần; Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p> <p>(d) <u>Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán được độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</u></p> <p>(e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>(f) <u>Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</u></p> <p>(g) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;</p> <p>(h) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;</p>	<p>Sửa đổi theo Điều 138, Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>Ghi chú, theo nội dung cập nhật:</p> <p>(1) Sửa “<i>Lựa chọn công ty kiểm toán</i>” thành “<i>Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán được độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết</i>”;</p> <p>(2) Bổ quy định Đại hội đồng cổ đông thông qua “<i>việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc</i>”. Theo quy định tại Khoản 1, Điều 162, Luật Doanh nghiệp 2020, Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc. Luật Doanh nghiệp 2020 không yêu cầu Đại hội đồng cổ đông phải thông qua việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;</p> <p>(3) Sửa quy định “<i>Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị</i>” thành “<i>Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị</i>”;</p>

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p>l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản Công ty hoặc chi nhánh có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty;</p> <p>m. Công ty mua lại hơn mười phần trăm (10%) số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>n. <u>Việc Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị</u>;</p> <p>o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.</p>	<p>(i) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>(j) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>(k) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>(l) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản Công ty hoặc chi nhánh có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty;</p> <p>(m) Thông qua quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>(n) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>(o) <u>Chấp thuận các giao dịch sau:</u></p> <p>(i) <u>Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;</u></p> <p>(ii) <u>Giao dịch có giá trị từ 20% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị</u></p>	<p><i>đồng quản trị, Ban kiểm soát</i>". Lí do:</p> <p>- Ngoài thù lao, Đại hội đồng cổ đông thông qua "<i>thưởng và lợi ích khác</i>" cho Thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>- Bổ sung quy định về Đại hội đồng cổ đông thông qua ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho <u>Ban kiểm soát</u>;</p> <p>(4) Bổ quy định Đại hội đồng cổ đông "<i>chỉ định người thanh lý</i>". Quy định cụ thể về Ban thanh lý được nêu tại Điều 53;</p> <p>(5) Bổ quy định "<i>Việc Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị</i>".</p> <p>(6) Bổ sung quy định tại Điều 16.2.(n) tuân theo quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, và thay thế nội dung "<i>Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất</i>".</p>
---	---	--

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

	<p><u>từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> a. <u>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;</u> b. <u>Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;</u> c. <u>Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần;</u> d. <u>Doanh nghiệp mà những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp</u> 	
--	---	--

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

	<p><u>hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.</u></p> <p>(iii) <u>Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</u></p> <p>(j) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	
<p>Điều 16. Các đại diện được ủy quyền</p> <p>1. <u>Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật Doanh nghiệp 2014 thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p><u>Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.</u></p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do công ty phát hành (người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp) và phải có chữ ký theo quy định cụ thể như sau:</p>	<p>Điều 16 trở thành Điều 17, và được sửa đổi như sau:</p> <p>Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>17.1. Cổ đông, <u>người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức</u> có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho <u>một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác</u> dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 4 Điều 20 của Điều lệ này.</p> <p>17.2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do công ty phát hành (người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp) và phải có chữ ký theo quy định cụ thể như sau:</p> <p>(a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;</p>	<p>Sửa đổi tiêu đề điều khoản thành "<i>Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</i>" để phù hợp với nội dung điều khoản.</p> <p>Sửa đổi nội dung điều khoản theo Điều 144, Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>Ghi chú, theo nội dung cập nhật:</p> <p>(1) Quy định rõ trường hợp cho phép "<i>người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức</i>" được ủy quyền cho một số cá nhân, tổ chức khác dự họp.</p> <p>(2) Bỏ điều khoản "<i>Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký</i></p>

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;</p> <p>b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.</p> <p>Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.</p> <p>3. <u>Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</u></p> <p>4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;</p> <p>c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.</p> <p>Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên <u>bốn mươi tám (48) giờ trước giờ khai mạc</u> cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	<p>(b) Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;</p> <p>(c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.</p> <p>Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.</p> <p>17.3. Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây mà Công ty không nhận được thông báo về sự kiện đó <u>trước giờ khai mạc</u> cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại:</p> <p>a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;</p> <p>c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.</p>	<p><i>giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).”;</i></p> <p>(4) Bỏ quy định về thời hạn “<i>bốn mươi tám (48) giờ trước giờ khai mạc</i>” cuộc họp về việc nhận thông tin uỷ quyền không còn hiệu lực.</p>
	<p>Điều 17 trở thành Điều 18. Khoản 1 của Điều này được sửa đổi như sau:</p>	

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị huỷ bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất <u>sáu mươi lăm phần trăm (65%)</u> quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.</p>	<p>Điều 18. Thay đổi các quyền</p> <p>18.1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ <u>bảy mươi lăm phần trăm (75%)</u> tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành <u>hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</u></p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại Khoản 6, Điều 148, Luật Doanh nghiệp 2020</p>
<p>Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại <u>Điểm b hoặc Điểm c Điều 14</u> Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Lập danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội. Danh sách này được lập <u>không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</u>; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p>	<p>Điều 18 trở thành Điều 19, và được sửa đổi như sau:</p> <p>Điều 19. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và mời họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>19.1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại <u>Điều 15.4.(b), hoặc Điều 15.4.(c)</u> của Điều lệ này.</p> <p>19.2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p> <p>(a) Lập danh sách các cổ đông có quyền dự họp. <u>Danh sách này được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>(b) <u>Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;</u></p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại Điều 140, Điều 143, Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>Ghi chú, theo nội dung cập nhật:</p> <p>(1) Lập danh sách các cổ đông có quyền dự họp. Danh sách này được lập <u>không quá mười (10) ngày</u> trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông thay vì “<i>không sớm hơn năm (05) ngày</i>” như quy định cũ;</p> <p>(2) Bổ sung quy định Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải “(b) <u>Cung cấp thông tin và giải</u></p>

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị huỷ bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p>b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.</p> <p>3. <u>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể được đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất là <u>mười (10) ngày</u> trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.</u></p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại <u>Khoản 3 Điều 12</u> của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề</p>	<p>(c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>(d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;</p> <p>(e) <u>Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</u></p> <p>(f) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>(g) Gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông đến từng cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>(h) <u>Công tác khác phục vụ cuộc họp.</u></p> <p>19.3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi kèm theo chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp, phiếu biểu quyết. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể được đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi</p>	<p>quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông” và “(h) Công tác khác phục vụ cuộc họp”;</p> <p>(3) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải “<i>dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên</i>” [thay vì Hội đồng quản trị chuẩn bị];</p> <p>(4) Thông báo mời họp phải được gửi chậm nhất là <u>hai mươi mốt (21) ngày</u> trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, thay vì “<i>mười (10) ngày</i>” như quy định cũ;</p> <p>(5) Cổ đông kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông phải được kiến nghị đến Công ty chậm nhất là <u>mười (10) ngày</u>, thay vì “<i>ba (03) ngày làm việc</i>” như quy định cũ;</p> <p>(6) Bổ quy định “<i>Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp</i>”. Như quy định tại Khoản 2, Điều này, nghĩa vụ chuẩn bị dự thảo nghị quyết thuộc về Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp Ban kiểm soát hoặc cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, thì Hội đồng quản trị không phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết;</p> <p>(7) Bổ quy định “<i>Trường hợp tất cả cổ đông đại diện một trăm phần</i></p>
---	---	---

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p>xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất <u>ba (03) ngày làm việc</u> trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 18 trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất năm phần trăm (05%) cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;</p> <p>c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.</p> <p>6. <u>Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.</u></p> <p>7. <u>Trường hợp tất cả cổ đông đại diện một trăm phần trăm (100%) số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.</u></p>	<p>làm việc. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất là <u>hai mươi mốt (21) ngày</u> trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.</p> <p>19.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại <u>Điều 13.3</u> của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất là <u>mười (10) ngày</u> trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ và tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>19.5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị quy định tại Điều 19.4 của Điều lệ này trong các trường hợp sau:</p> <p>(i) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Điều 19.4 của Điều lệ này;</p> <p>(j) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này thì chậm nhất là <u>02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</u> phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>19.6. <u>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Điều 19.4 của Điều lệ này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy</u></p>	<p><i>trăm (100%) số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.”.</i> Nội dung này đã được điều chỉnh tại Điều 26, Điều lệ cập nhật;</p> <p>(8) Bổ sung quy định về thời hạn từ chối kiến nghị (<i>chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do</i>);</p> <p>(9) Bổ sung quy định người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị hợp lệ vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>
---	---	--

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

	<u>định tại Điều 19.5 của Điều lệ này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</u>	
<p>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho <u>ít nhất năm mươi một phần trăm (51%)</u> tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp không có đủ số lượng <u>đại biểu</u> cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây: <ol style="list-style-type: none"> Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; 	<p>Điều 19 trở thành Điều 20 và được sửa đổi như sau:</p> <p>Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện <u>trên năm mươi phần trăm (50%)</u> tổng số phiếu biểu quyết. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba phần trăm (33%) tổng phiếu biểu quyết trở lên. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp. 	<p>Sửa đổi theo quy định tại Khoản 1, Điều 145, Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>Ghi chú, theo nội dung cập nhật:</p> <p>(1) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết, thay vì “<i>ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết</i>”;</p> <p>(2) Quy định rõ việc ủy quyền dự họp có thể là ủy quyền cho cá nhân hoặc ủy quyền cho tổ chức khác.</p>

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p>b. Ủy quyền cho <u>một người khác</u> tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử</p> <p>5. <u>Theo đề nghị Chủ toạ Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp</u> đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 18 của Điều lệ này.</p>	<p>20.4. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</p> <p>(a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>(b) Ủy quyền cho <u>(những) cá nhân, (những) tổ chức</u> khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>(c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>(d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.</p> <p>20.5. <u>Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp</u> đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 19 của Điều lệ này.</p>	
<p>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ các trường hợp quy định tại <u>khoản 3 Điều này</u>, nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản):</p> <p>a. <u>Sửa đổi và bổ sung Điều lệ công ty;</u></p> <p>b. Loại cổ phần và số lượng cổ phần <u>được chào bán;</u></p>	<p>Điều 21 trở thành Điều 22. Khoản 1, Khoản 2 của Điều này được sửa đổi như sau:</p> <p>Điều 22. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>22.1. <u>Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</u></p> <p>22.2. Trừ các trường hợp quy định tại <u>Điều 22.4 của Điều lệ này</u>, Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền</p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>Ghi chú, theo nội dung cập nhật:</p> <p>(1) Bổ sung quy định “<i>Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</i>”</p> <p>(2) Đối với quy định về các nội dung phải được thông qua bởi số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần</p>

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p>c. Sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty;</p> <p>d. <u>Giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện</u> có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.</p> <p>2. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua nếu được số cổ đông đại diện <u>ít nhất năm mươi một phần trăm (51%)</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc <u>ít nhất năm mươi một phần trăm (51%)</u> tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.</p>	<p>biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản):</p> <p>(a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần <u>của từng loại</u>;</p> <p>(b) <u>Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh</u>;</p> <p>(c) <u>Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty</u>;</p> <p>(d) <u>Dự án đầu tư hoặc bán tài sản</u> có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;</p> <p>(e) Tổ chức lại, giải thể Công ty.</p> <p>22.3. Các nghị quyết khác được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu <u>trên năm mươi phần trăm (50%)</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc <u>trên năm mươi phần trăm (50%)</u> tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), trừ các trường hợp quy định tại Điều 22.2 và Điều 22.4 của Điều lệ này.</p>	<p>trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản):</p> <p>- Bỏ nội dung “<i>Sửa đổi và bổ sung Điều lệ</i>”</p> <p>- Bổ sung nội dung (i) <i>Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh</i>; và (ii) <i>Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty</i> [Ghi chú: các nội dung này trước đây cũng đã được ghi nhận trong Luật Doanh nghiệp 2014];</p> <p>(3) Sửa đổi từ “<i>Giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện</i>” thành “<i>Dự án đầu tư hoặc bán tài sản</i>”.</p> <p>(4) Điều chỉnh tỷ lệ thông qua đối với các nghị quyết khác là “<i>trên năm mươi phần trăm (50%)</i>” thay vì “<i>ít nhất năm mươi một phần trăm (51%)</i>” tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.</p>
	<p>Điều 22 trở thành Điều 23. Nội dung điểm b, điểm d, và điểm g, Khoản 2 của Điều này được sửa đổi như sau:</p>	

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Lấy ý kiến bằng văn bản theo phương thức truyền thống:</p> <p>b. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>vii. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.</p> <p>d. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>[.....]</p> <p>v. Các quyết định đã được thông qua;</p> <p>vi. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.</p> <p><u>Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu</u> phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>g. <u>Quyết định</u> được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản <u>phải được cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp nhận</u> và có giá trị như <u>quyết định</u> được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>23.2. Lấy ý kiến bằng văn bản theo phương thức truyền thống:</p> <p>(b) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>vii. <u>Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</u></p> <p>(d) Hội đồng quản trị <u>tổ chức</u> kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>[.....]</p> <p>v. Vấn đề đã được thông qua và <u>tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng</u>;</p> <p>vi. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và <u>người kiểm phiếu</u></p> <p><u>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu</u> phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>(g) <u>Nghị quyết</u> được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như <u>nghị quyết</u> được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Sửa đổi theo Điều 149, Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>Ghi chú, theo nội dung cập nhật:</p> <p>(1) Phiếu lấy ý kiến và Biên bản kiểm phiếu không cần chữ ký của “<i>người đại diện theo pháp luật của Công ty</i>”;</p> <p>(2) Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của người kiểm phiếu. “<i>Người kiểm phiếu</i>” phải liên đới chịu trách nhiệm cùng với các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>(3) Bỏ quy định nghị quyết “<i>phải được cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp nhận</i>”. Tỷ lệ thông qua nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đối với từng vấn đề đã được quy định cụ thể tại Điều 22 của Điều lệ.</p>
---	---	--

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p>Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty.</p> <p>Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. <u>Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</u></p>	<p>Điều 23 trở thành Điều 24, và được sửa đổi như sau:</p> <p>Điều 24. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>24.1. <u>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.</u> Biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>24.2. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. <u>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</u></p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại Điều 150, Luật Doanh nghiệp 2020.</p>
<p>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 24 trở thành Điều 25, và được sửa đổi như sau:</p> <p>Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại Điều 151, Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại <u>khoản 3, Điều 12</u> Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <u>không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty</u>; 2. <u>Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.</u> <p><u>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</u></p>	<p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được <u>nghị quyết</u> hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại <u>Điều 13.3</u> của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ <u>nghị quyết hoặc một phần nghị quyết</u> Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 25.1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông <u>vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 của Điều lệ này</u>; 25.2. <u>Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</u> 	<p>Ghi chú, theo nội dung cập nhật:</p> <p>(1) Có thể yêu cầu sửa nghị quyết hoặc “<i>một phần nghị quyết</i>”;</p> <p>(2) Đối với vi phạm về trình tự thủ tục, chỉ được yêu cầu huỷ bỏ khi vi phạm đó là “<i>vi phạm nghiêm trọng</i>” Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>(3) Bỏ nội dung điều khoản “<i>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này</i>”.</p> <p>Trường hợp triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông đã được quy định cụ thể tại Điều 19 của Điều lệ.</p>
<p>Điều 25. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó. 2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực <u>ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</u> 3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài huỷ bỏ nghị quyết của Đại hội đồng 	<p>Điều 25 trở thành Điều 26, và được sửa đổi như sau:</p> <p>Điều 26. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> 26.1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó. 26.2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực <u>ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</u> 	<p>Sửa đổi theo quy định tại Điều 152, Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>Ghi chú, theo nội dung cập nhật:</p> <p>(1) Bỏ sung trường hợp trình tự và thủ tục “<i>triệu tập họp</i>” vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ;</p> <p>(2) Nghị quyết vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định huỷ bỏ</p>

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị huỷ bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p>cổ đông theo quy định tại <u>Điều 147</u> của Luật doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành <u>cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác</u>, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	<p>26.3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <u>Điều 151</u> của Luật Doanh nghiệp, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành <u>cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực</u>, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	<p>nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài <u>có hiệu lực</u>.</p>
<p><u>CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</u></p>	<p><u>CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</u></p>	
<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất <u>năm (05) người</u> và nhiều nhất mười một (11) thành viên, số lượng cụ thể do ĐHĐCĐ quyết định tại phiên họp bầu HĐQT. <u>Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm</u>; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p> <p>2. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p>	<p>Điều 26 trở thành Điều 27. Khoản 1 đến Khoản 7 của Điều này được sửa đổi như sau:</p> <p>Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>27.1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là <u>năm (5) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá ba (3) năm</u>; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế; <u>nhiệm kỳ thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục</u>. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p> <p>27.2. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p>	<p>Sửa đổi theo Điều 154, 155, Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>Ghi chú, theo nội dung cập nhật:</p> <p>(1) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (5) thành viên thay vì ít nhất năm (5) người và nhiều nhất mười một (11) thành viên như quy định cũ;</p> <p>(2) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá ba (3) năm thay vì không quá năm (05) năm như quy định cũ;</p> <p>(3) nhiệm kỳ thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá hai (2) nhiệm kỳ liên tục;</p> <p>(4) Bổ quy định về thời hạn nắm giữ cổ phần liên tục ít nhất sáu (6) tháng đối với cổ đông lớn để thực hiện quyền đề cử ứng viên Hội đồng quản trị;</p> <p>(5) Bổ quy định về các thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ</p>

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p>3. Các thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông sáng lập đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Các cổ đông sáng lập được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu <u>năm phần trăm (05%) số cổ phần trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng</u> có quyền gộp một số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (05%) đến dưới mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ bảy mươi phần trăm (70%) đến tám mươi phần trăm (80%) được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ tám mươi phần trăm (80%) đến dưới chín mươi phần trăm (90%) được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>5. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội</p>	<p>27.3. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu <u>năm phần trăm (05%) số cổ phần</u> có quyền hợp thành nhóm để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị:</p> <p>(a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (5%) đến dưới mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (1) ứng viên;</p> <p>(b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;</p> <p>(c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;</p> <p>(d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;</p> <p>(e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;</p> <p>(f) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;</p> <p>(g) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ bảy mươi phần trăm (70%) đến dưới tám mươi phần trăm (80%) được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;</p> <p>(h) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ tám mươi phần trăm (80%) đến dưới chín</p>	<p>đồng sáng lập đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Các cổ đông sáng lập được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>(6) Bổ sung quy định “<i>Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</i>” theo quy định tại điểm b, khoản 5, Điều 115, Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>(7) Bổ quy định về việc thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên trong trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; - Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (6) tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng. <p>Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;</p>
---	---	---

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p>đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;</p> <p>c. <u>Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</u></p> <p>d. <u>Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;</u></p> <p>e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>7. <u>Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có</u></p>	<p>mười phần trăm (90%) được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p><u>Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</u></p> <p>27.4. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>(a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>(b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;</p> <p>(c) Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>(8) Bổ quy định: “<i>Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.</i>”</p>
---	--	---

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p><u>hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.</u></p>		
<p>Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. 2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác. 3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: <ol style="list-style-type: none"> a. <u>Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;</u> b. <u>Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</u> c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc và quyết định mức lương của họ; d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; 	<p>Điều 27 trở thành Điều 28. Khoản 1 đến Khoản 9 của Điều này được sửa đổi như sau:</p> <p>Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <ol style="list-style-type: none"> 28.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. 28.2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác. 28.3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền và nghĩa vụ sau: <ol style="list-style-type: none"> (a) <u>Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</u> (b) Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc và quyết định mức lương của họ; (c) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; (d) <u>Kiến nghị</u> các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; 	<p>Sửa đổi theo quy định tại Điều 153, Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>Ghi chú, theo nội dung cập nhật:</p> <p>(1) Gộp quy định “<i>Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</i>” (khoản 3, Điều 27, Điều lệ hiện hành) và “<i>Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn</i>” (khoản 4, Điều 27, Điều lệ hiện hành) thành một điều khoản (khoản 3, Điều 28 của Điều lệ mới). Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được cập nhật theo Luật Doanh nghiệp 2020;</p> <p>(2) Sửa đổi “<i>Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm; Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua</i>” thành “<i>Quyết định chiến lược, kế hoạch</i></p>

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p>e. <u>Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;</u></p> <p>f. <u>Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;</u></p> <p>g. <u>Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</u></p> <p>h. <u>Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;</u></p> <p>i. <u>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);</u></p> <p>j. <u>Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;</u></p> <p>k. <u>Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.</u></p> <p>l. <u>Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</u></p> <p>m. <u>Trình báo cáo tài chính kiểm toán năm lên Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>n. <u>Xây dựng và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo quy định hiện hành về quản trị</u></p> <p>o. <u>Xây dựng và ban hành Quy chế hướng dẫn bỏ phiếu điện tử của công ty theo quy định hiện hành về bỏ phiếu điện tử.</u></p> <p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p>	<p>(e) <u>Kiến nghị</u> việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</p> <p>(f) Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;</p> <p>(g) <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và cán bộ quản lý của Công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</u></p> <p>(h) <u>Kiến nghị</u> mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;</p> <p>(i) <u>Kiến nghị</u> việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.</p> <p>(j) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>(k) Trình báo cáo tài chính kiểm toán năm lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>(l) <u>Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;</u></p>	<p><i>phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty”;</i></p> <p>(3) <i>Bổ quy định “Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó”;</i></p> <p>(4) <i>Bổ quy định tại khoản 5, Điều 27, Điều lệ hiện hành về việc “Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hằng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.”;</i></p> <p>(5) <i>Sửa đổi quy định về bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý;</i></p> <p>(6) <i>Bổ quy định tại khoản 6, Điều 27 của Điều lệ hiện hành về việc: “Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện một phần quyền hạn và chức năng của Hội đồng quản trị trong thời gian Hội đồng quản trị không tổ chức cuộc họp. Nội dung ủy quyền phải được xác định rõ ràng, cụ thể. Đối với những vấn đề trọng yếu, liên quan đến lợi ích sống còn của Công ty thì không được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân</i></p>
--	---	---

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p>a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>b. Thành lập các công ty con của Công ty;</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);</p> <p>d. <u>Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</u></p> <p>e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p> <p>f. <u>Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư vượt quá mười phần trăm (10%) giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</u></p> <p>g. <u>Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</u></p> <p>h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc <u>giao dịch mua</u> có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty <u>và các chi nhánh của Công ty</u> được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>j. Việc ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc nhỏ hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Công ty <u>và các chi nhánh của Công ty</u></p>	<p>(m) Xây dựng và ban hành Quy chế hướng dẫn bỏ phiếu điện tử của công ty theo quy định hiện hành về bỏ phiếu điện tử.</p> <p>(n) Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>(o) Thành lập các công ty con của Công ty;</p> <p>(p) <u>Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</u></p> <p>(q) Quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh) trừ các hợp đồng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>(r) Việc vay, cho vay và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p> <p>(s) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>(t) <u>Quyết định đầu tư</u> hoặc giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>(u) Việc ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc nhỏ hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>(v) <u>Thông qua hợp đồng mua, bán, và hợp</u></p>	<p><i>viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.”;</i></p> <p>(7) Sửa đổi “<i>Xây dựng và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo quy định hiện hành về quản trị</i>” thành “<i>Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty</i>”;</p> <p>(8) Bỏ quy định về “<i>Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty</i>”;</p> <p>(9) Bỏ quy định về “<i>Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư vượt quá mười phần trăm (10%) giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm</i>”;</p> <p>(10) Sửa đổi quy định “<i>Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài</i>” thành “<i>Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác</i>”;</p> <p>(11) Sửa đổi “<i>Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua</i>” thành “<u>Quyết định đầu tư</u> hoặc giao dịch bán tài sản... ”;</p> <p>(12) Bổ sung quyền:</p>
--	---	--

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị huỷ bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p>ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>k. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá mười phần trăm (10%) mỗi loại cổ phần;</p> <p>l. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;</p> <p>m. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.</p> <p>5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. <u>Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</u></p> <p>6. <u>Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện một phần quyền hạn và chức năng của Hội đồng quản trị trong thời gian Hội đồng quản trị không tổ chức cuộc họp. Nội dung ủy quyền phải được xác định rõ ràng, cụ thể. Đối với những vấn đề trong yếu, liên quan đến lợi ích sống còn của Công ty thì không được ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</u></p> <p>7. <u>Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị</u></p>	<p><u>đồng, giao dịch khác có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>(w) Việc Công ty mua và giá mua hoặc thu hồi không quá mười phần trăm (10%) mỗi loại cổ phần;</p> <p>(x) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;</p> <p>(y) <u>Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</u></p> <p>(z) <u>Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</u></p> <p>(aa) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>28.4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính.</p> <p>28.5. <u>Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao</u></p>	<p>- Thông qua hợp đồng mua, bán, và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;”</p> <p>- Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ</p> <p>(13) Cập nhật quy định về trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 2, Điều 163, Luật Doanh nghiệp 2020;</p>
---	---	--

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p><u>theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.</u></p> <p>8. <u>Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phân vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.</u></p> <p>9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p><u>mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</u></p> <p>28.6. <u>Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</u></p> <p>28.7. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	
<p>Điều 28. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó; Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ,</p>	<p>Điều 28 trở thành Điều 29. Khoản 1 của Điều này được sửa đổi như sau:</p> <p>Điều 29. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị</p> <p>29.1. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị <u>phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</u></p> <p>(a) không phải là người đang làm việc cho Công ty, <u>công ty mẹ</u> hoặc công ty con của công ty;</p> <p>(b) không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, <u>công ty mẹ</u> hoặc công ty con</p>	<p>Sửa đổi theo Khoản 2, Điều 155, Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>Ghi chú, theo nội dung cập nhật:</p> <p>(1) người đang làm việc hoặc đã từng làm việc cho “<i>công ty mẹ</i>” ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó</p>

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p>cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty; Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty; Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó.</p>	<p>của Công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;</p> <p>(c) không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;</p> <p>(d) không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;</p> <p>(e) không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;</p> <p>(f) không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó, <u>trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai nhiệm kỳ.</u></p>	<p>không được làm Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>(2) Loại trừ “<i>người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó</i>” không áp dụng nếu người đó “<i>được bổ nhiệm liên tục hai nhiệm kỳ</i>”.</p>
<p>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. <u>Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra Chủ tịch.</u></p>	<p>Điều 29 trở thành Điều 30. Khoản 1 của Điều này được sửa đổi như sau:</p> <p>Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>30.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.</p>	<p>Sửa đổi theo Khoản 1, Khoản 2, Điều 156, Luật Doanh nghiệp 2020.</p>
<p><u>CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY</u></p>	<p><u>CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY</u></p>	

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p>Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</p> <ol style="list-style-type: none"> Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Nhiệm kỳ: <u>Tổng Giám đốc có thể là Chủ tịch HĐQT, Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vi thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.</u> Quyền hạn và nhiệm vụ: <u>Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</u> <ol style="list-style-type: none"> Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quyết định tất cả các vấn đề <u>không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị</u>, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất; 	<p>Điều 33 trở thành Điều 34, và được sửa đổi như sau:</p> <p>Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</p> <ol style="list-style-type: none"> Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Nhiệm kỳ: <u>Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá ba (03) năm</u> trừ và có thể được bổ nhiệm lại <u>với số nhiệm kỳ không hạn chế</u>. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. <u>Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:</u> <ol style="list-style-type: none"> <u>Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;</u> <u>Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;</u> <u>Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.</u> Quyền hạn và nhiệm vụ: <u>Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</u> <ol style="list-style-type: none"> Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế 	<p>Sửa đổi theo quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>Ghi chú, theo nội dung cập nhật:</p> <p>(1) Bổ quy định “<i>Tổng Giám đốc có thể là Chủ tịch HĐQT</i>” do bởi theo quy định tại Khoản 2, Điều 156, Chủ tịch HĐQT công ty đại chúng không được kiêm Tổng giám đốc;</p> <p>(2) Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá ba (03) năm thay vì không quá năm (05) năm theo quy định hiện hành;</p> <p>(3) Cập nhật tiêu chuẩn, điều kiện của Tổng giám đốc;</p> <p>(4) Cập nhật quyền hạn và trách nhiệm của Tổng giám đốc theo quy định hiện hành.</p>
--	---	---

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p>c. Kiến nghị số lượng và các <u>loại</u> cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;</p> <p>d. <u>Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</u></p> <p>e. Hằng năm, trước ngày 31 tháng 12, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp.</p> <p>f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;</p> <p>g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p> <p>h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.</p> <p>i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.</p> <p>j. Ký quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm các chức danh theo phê duyệt chủ trương của Hội đồng quản trị.</p>	<p>hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>(b) Quyết định tất cả các vấn đề <u>liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị</u>, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>(c) Kiến nghị số lượng và <u>các</u> cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;</p> <p>(d) Hằng năm, trước ngày 31 tháng 12, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp;</p> <p>(e) Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;</p> <p>(f) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p> <p>(g) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng</p>	
---	--	--

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p>4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.</p> <p>5. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.</p>	<p>của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</p> <p>(h) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật;</p> <p>(i) Ký quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm các chức danh theo phê duyệt chủ trương của Hội đồng quản trị;</p> <p>(j) <u>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</u></p> <p>(k) <u>Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;</u></p> <p>(l) <u>Tuyển dụng lao động;</u></p> <p>(m) <u>Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</u></p> <p>(n) <u>Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị</u></p> <p>34.5. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực</p>	
--	---	--

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

	<p>hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.</p> <p>34.6. Miễn nhiệm: Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.</p>	
<u>CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT</u>	<u>CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT</u>	
<p>Điều 38. Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát <u>phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</u></p> <p><u>Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</u></p> <p>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát <u>và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;</u></p> <p>b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;</p>	<p>Điều 38 trở thành Điều 39 và được sửa đổi như sau:</p> <p>Điều 39. Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>39.1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát <u>là (03) thành viên. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</u></p> <p>(a) <u>Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;</u></p> <p>(b) <u>Không phải là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty;</u></p> <p>(c) <u>Không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty;</u></p> <p>(d) <u>Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công</u></p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Điều 168, Điều 169, Khoản 5, Điều 115, Luật Doanh nghiệp 2020, và Điều 286, Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p> <p>Ghi chú, theo nội dung cập nhật:</p> <p>(1) Số lượng thành viên Ban kiểm soát là (03) thành viên thay vì phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên như quy định hiện hành;</p> <p>(2) Tiêu chuẩn của Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát được cập nhật theo quy định hiện hành;</p> <p>(3) Bổ sung trường hợp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử ứng viên vào Ban kiểm soát trong trường hợp “<i>cổ đông lớn</i>” đề cử thấp hơn số ứng cử</p>

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Cổ đông nắm giữ từ <u>năm phần trăm (05%) đến mười phần trăm (10%) cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai thành viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.</u></p> <p>3. <u>Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</u></p> <p>4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, <u>nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm</u>; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>5. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;</p>	<p><u>ty;</u></p> <p>(e) <u>Không phải là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó;</u></p> <p>(f) <u>Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.</u></p> <p>39.2. <u>Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</u></p> <p>(a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>(b) Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;</p> <p>(c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>viên mà họ được quyền đề cử theo quy định tại điểm b, khoản 5, Điều 115, Luật Doanh nghiệp 2020;</p> <p>(4) Bỏ quy định về thời hạn nắm giữ cổ phần “<i>trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng</i>” đối với cổ đông lớn để thực hiện quyền đề cử ứng viên Ban kiểm soát;</p> <p>(5) Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá ba (03) năm thay vì nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm như quy định hiện hành;</p> <p>(6) Bỏ quy định về việc thành viên Ban kiểm soát mất tư cách thành viên khi:</p> <p>- Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>-Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.</p> <p>Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</p>
---	---	---

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p>b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;</p> <p>c. <u>Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</u></p> <p>d. <u>Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</u></p> <p>e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>39.3. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (05%) cổ phần có quyền họp nhóm</u> để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát.</p> <p>(a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ dưới mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (1) thành viên;</p> <p>(b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (2) thành viên;</p> <p>(c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (3) ứng viên;</p> <p>(d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (4) ứng viên;</p> <p>(e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (5) ứng viên.</p> <p><u>Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</u></p> <p>39.4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, <u>nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá ba (03) năm;</u> thành viên Ban</p>	
--	--	--

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

	<p>kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <u>Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</u></p> <p>39.5. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên <u>trong</u> các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> (a) Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát; (b) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty; (c) Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. 	
<p>Điều 39. Ban kiểm soát</p> <p>1. <u>Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập; b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; 	<p>Điều 39 trở thành Điều 40. Khoản 1 của Điều này được sửa đổi như sau:</p> <p>Điều 40. Ban kiểm soát</p> <p>40.1. Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại <u>Điều 170</u> của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> (a) Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. (b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính 	<p>Sửa đổi theo quy định tại Điều 170, Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p>c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;</p> <p>d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</p> <p>f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;</p> <p>g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;</p> <p>h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.</p>	<p>trung thực và mức độ can trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.</p> <p>(c) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>(d) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.</p> <p>(e) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 của Điều lệ này.</p> <p>(f) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 13 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện</p>	
---	--	--

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

	<p>kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>(g) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>(h) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 36, Điều 37 của Điều lệ này phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>(i) Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.</p> <p>(j) Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.</p>	
--	---	--

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

	<p>(k) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>(l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</p>	
<u>CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</u>	Bãi bỏ	Bãi bỏ
<p>Điều 41. Công nhân viên và công đoàn</p> <p>Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</p>	Bãi bỏ	Bãi bỏ. Nội dung về “ <i>Công nhân viên và Công đoàn</i> ” không phải là nội dung bắt buộc đưa vào Điều lệ của Công ty.
<u>CHƯƠNG XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN</u>	<u>CHƯƠNG XII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN</u>	
<p>Điều 42. Cổ tức</p> <p>8. Công ty chỉ chia lợi nhuận cho các cổ đông phổ thông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đồng thời vẫn đảm bảo thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận;</p>	<p>Khoản 8, Điều 42 được sửa đổi như sau:</p> <p>Điều 42. Cổ tức</p> <p>42.8. Công ty chỉ chia lợi nhuận cho các cổ đông phổ thông khi có đủ các điều kiện sau:</p> <p>(a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;</p> <p>(b) Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp lỗ</p>	Sửa đổi theo Khoản 2, Điều 135, Luật Doanh nghiệp 2020.

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

	<p>trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;</p> <p>(c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.</p>	
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	CHƯƠNG XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	
<p>Điều 46. Năm tài chính</p> <p>Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 dương lịch cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 dương lịch cùng năm.</p>	<p>Điều 46. Năm tài chính</p> <p>Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 dương lịch cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 dương lịch cùng năm.</p>	
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	CHƯƠNG XIV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	
<p>Điều 48. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý</p> <ol style="list-style-type: none"> Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 của Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của 	<p>Điều 48. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý</p> <ol style="list-style-type: none"> Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo 	<p>Sửa đổi theo quy định tại Điều 55 và Điều 56, Điều lệ mẫu áp dụng đối với Công ty đại chúng ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.</p>

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p>Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.</p> <ol style="list-style-type: none"> 3. Thù lao và tiền lương của thành viên Hội đồng quản trị, của Tổng giám đốc và những người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. 4. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán. 5. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán sẽ được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty; 6. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp. 7. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. 	<p>quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>48.4. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	
--	--	--

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<u>CHƯƠNG XVII. CON DẤU</u>	<u>CHƯƠNG XVI. CON DẤU</u>	
<p>Điều 51. Con dấu</p> <p>(k) <u>Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc có quyền quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây:</u></p> <p>a. <u>Tên doanh nghiệp;</u></p> <p>b. <u>Mã số doanh nghiệp.</u></p> <p>(l) <u>Trước khi sử dụng, Công ty có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</u></p> <p>(m) Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>Điều 51. Con dấu</p> <p>51.1. <u>Người đại diện theo pháp luật có quyền quyết định về loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung con dấu của Công ty.</u></p> <p>51.2. Việc sử dụng và quản lý con dấu tuân thủ theo quy định nội bộ của doanh nghiệp và của pháp luật hiện hành.</p>	Sửa đổi theo Điều 43, Luật Doanh nghiệp 2020.
<u>CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</u>	<u>CHƯƠNG XVII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</u>	
<p>Điều 52. Chấm dứt hoạt động</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>a. <u>Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;</u></p> <p>b. <u>Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</u></p> <p>c. <u>Giải thể trước thời hạn</u> theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.</p> <p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp</p>	<p>Điều 52. Chấm dứt hoạt động</p> <p>52.1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>(a) <u>Bì thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</u></p> <p>(b) <u>Giải thể</u> theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>(c) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.</p> <p>52.2. Việc <u>giải thể Công ty</u> do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Trình tự,</p>	Sửa đổi theo Khoản 1, Điều 207, Luật Doanh nghiệp 2020.

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.	thủ tục giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật.	
<p>Điều 53. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông</p> <p>Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động. 2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị. 3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông. 	Bãi bỏ	Việc giải thể cần được thảo luận và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông, thay vì đưa ra giải quyết tại Tòa án.
<p>Điều 54. Gia hạn hoạt động</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị. 2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua. 	Bãi bỏ.	Bãi bỏ. Theo quy định tại khoản 5, Điều 2 của Điều lệ sửa đổi: “ <i>Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 52 của Điều lệ này, <u>thời hạn hoạt động của Công ty sẽ là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.</u></i> ”, do vậy, không cần điều khoản về gia hạn hoạt động.

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p>Điều 55. Thanh lý</p> <p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>a. Các chi phí thanh lý;</p> <p>b. <u>Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;</u></p> <p>c. <u>Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;</u></p> <p>d. <u>Các khoản vay (nếu có);</u></p> <p>e. <u>Các khoản nợ khác của Công ty;</u></p> <p>f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ <u>mục (a) đến (e)</u> trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.</p>	<p>Điều 55 trở thành Điều 53, và được sửa đổi như sau:</p> <p>Điều 53. Thanh lý</p> <p>53.3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>(a) Các chi phí thanh lý;</p> <p>(b) <u>Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;</u></p> <p>(c) <u>Nợ thuế;</u></p> <p>(d) <u>Các khoản nợ khác;</u></p> <p>(e) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ <u>mục (a) đến (d)</u> trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.</p>	<p>Sửa đổi thứ tự ưu tiên thanh toán khoản nợ theo quy định tại Khoản 5, Điều 208, Luật Doanh nghiệp 2020.</p>
<p align="center">CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</p>	<p align="center">CHƯƠNG XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</p>	
<p>Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không</p>	<p>Điều 56 trở thành Điều 54. Khoản 2 và khoản 3 của Điều này được sửa đổi như sau:</p> <p>Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>54.2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình</p>	<p>Công ty cần quy định cụ thể về lựa chọn giải quyết tranh chấp nội bộ hoặc là tại Trọng tài hoặc là Tòa án.</p>

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

<p>được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra <u>Trong tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế</u>.</p> <p>3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. <u>Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.</u></p>	<p>hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra <u>để giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VIAC) theo Quy Tắc Tổ Tung Trọng Tài của VIAC. Số lượng trọng tài viên là một. Địa điểm trọng tài là Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngôn ngữ được sử dụng trong tố tụng trọng tài là tiếng Việt.</u></p> <p>54.3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải.</p>	
<u>CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC</u>	<u>CHƯƠNG XX. NGÀY HIỆU LỰC</u>	
<p>Điều 58. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản Điều lệ này gồm XXI chương 58 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt nhất trí thông qua ngày 19 tháng 05 năm 2020 và <u>toàn văn bản của Điều lệ này bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày ký.</u></p>	<p>Điều 58 trở thành Điều 56. Khoản 1 của Điều này được sửa đổi như sau:</p> <p>Điều 56. Ngày hiệu lực</p> <p>56.1. Bản Điều lệ này gồm XX chương 56 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt nhất trí thông qua ngày tháng năm 2021 và <u>Điều lệ</u> này bắt đầu có hiệu lực kể từ <u>ngày được thông qua.</u></p>	
<p><u>Ghi chú:</u></p> <p>(1) Các tham chiếu đến điều khoản của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ được cập nhật tương ứng trong nội dung của Điều lệ.</p> <p>(2) Bảng này tóm tắt những thay đổi chính yếu của Điều lệ so với Điều lệ hiện hành;</p> <p>(3) Các sửa đổi nhỏ đối với Điều lệ (không ảnh hưởng đến nội dung điều khoản) không được bao gồm trong Bản tóm tắt này.</p>		

Lưu ý:

Điểm nổi bật và gạch chân: Nội dung được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế trong Điều lệ sửa đổi và bổ sung

Gạch chân: Nội dung bị hủy bỏ hoặc thay thế trong Điều lệ hiện hành

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÂN HIỆU VIỆT

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	3
Điều 1. Định nghĩa.....	3
CHƯƠNG II. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY	4
Điều 2. Thông tin chung của Công ty.....	4
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	5
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	5
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	6
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	6
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	6
Điều 7. Sổ đăng ký cổ đông.....	7
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	7
Điều 9. Thu hồi cổ phần	8
Điều 10. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty	9
Điều 11. Phát hành trái phiếu	9
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT.....	9
Điều 12. Cơ cấu tổ chức quản lý	9
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	10
Điều 13. Quyền của cổ đông.....	10
Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông	11
Điều 15. Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 18. Thay đổi các quyền	15
Điều 19. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và mời họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 22. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 24. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 26. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	21
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	22
Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	23
Điều 29. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	25
Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	26
Điều 31. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	26
CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY.....	30
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý.....	30

Điều 33. Cán bộ quản lý	30
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	30
Điều 35. Thư ký Công ty	32
CHƯƠNG IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	32
Điều 36. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý	32
Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	33
Điều 38. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	34
CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT	34
Điều 39. Thành viên Ban kiểm soát.....	34
Điều 40. Ban kiểm soát.....	36
CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	37
Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	37
CHƯƠNG XII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	38
Điều 42. Cổ tức.....	38
Điều 43. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.....	39
CHƯƠNG XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	39
Điều 44. Tài khoản ngân hàng.....	39
Điều 45. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.....	39
Điều 46. Năm tài chính.....	39
Điều 47. Hệ thống kế toán	39
CHƯƠNG XIV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	40
Điều 48. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	40
Điều 49. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	40
CHƯƠNG XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY	40
Điều 50. Kiểm toán.....	40
CHƯƠNG XVI. CON DẤU	41
Điều 51. Con dấu	41
CHƯƠNG XVII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	41
Điều 52. Chấm dứt hoạt động.....	41
Điều 53. Thanh lý	41
CHƯƠNG XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	42
Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ	42
CHƯƠNG XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	42
Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	42
CHƯƠNG XX. NGÀY HIỆU LỰC.....	43
Điều 56. Ngày hiệu lực	43

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

- 1.1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
- 1.2. **“Bỏ phiếu điện tử”** là việc Cổ đông, người đại diện Cổ đông thực hiện biểu quyết theo hình thức điện tử thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử của Trung tâm lưu ký chứng khoán;
- 1.3. **“Cán bộ quản lý”** là Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;
- 1.4. **“Cổ đông lớn”** là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết ở Công ty;
- 1.5. **“Công ty”** là Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt;
- 1.6. **“Điều khoản”** là một Điều khoản của Điều lệ này;
- 1.7. **“Luật Doanh nghiệp”** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và những sửa đổi, bổ sung Luật này tùy từng thời điểm;
- 1.8. **“Luật Chứng khoán”** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và những sửa đổi, bổ sung Luật này tùy từng thời điểm;
- 1.9. **“Ngày thành lập”** là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
- 1.10. **“Người có liên quan”** là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty trong các trường hợp sau đây:
- 1.11. Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;
- 1.12. Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con;
- 1.13. Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của Công ty thông qua sở hữu, thuê mua cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của Công ty;
- 1.14. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác, người đại diện theo pháp luật, thành viên Ban kiểm soát;
- 1.15. Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác, người đại diện theo pháp luật, thành viên Ban kiểm soát, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
- 1.16. Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại các điểm i, ii và iii khoản này;
- 1.17. Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm i, ii, iii, iv, v và vi khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của công ty.
- 1.18. **“Pháp luật”** nghĩa là các luật, nghị định, thông tư, quyết định, quy định hoặc các văn bản khác có hiệu lực pháp luật tại Việt Nam được ban hành bởi các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam;

- 1.19. **“Phương thức truyền thống”** là việc Công ty tiến hành họp, tổ chức biểu quyết, lấy ý kiến bằng văn bản theo phương thức được quy định tại Luật Doanh nghiệp và không bao gồm việc thực hiện thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử;
- 1.20. **“Sở giao dịch chứng khoán”** là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;
- 1.21. **“Thời hạn hoạt động”** là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng Nghị quyết;
- 1.22. **“Việt Nam”** là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- 1.23. **“Vốn điều lệ”** là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã phát hành mà các cổ đông đã thanh toán đủ và được ghi vào Điều lệ Công ty.
- 1.24. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
- 1.25. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
- 1.26. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Thông tin chung của Công ty

- 2.1. Tên Công ty
- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: VIET BRAND INVEST JOINT STOCK COMPANY
 - Tên Công ty viết tắt: VIET BRAND
- 2.2. Trụ sở đăng ký của Công ty là: CR3 – 16G, Lầu 2, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Email: info@vbinvest.com.vn
 - Website: www.vbinvest.com.vn
- 2.3. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
- 2.4. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 52 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

- 3.1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.
- 3.2. Người đại diện theo pháp luật đại diện Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

- 4.1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	7020 (Chính)
2.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	6619
3.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, ăn uống	5610
4.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống	5629
5.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
6.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn rau quả, chè, cà phê (không hoạt động tại trụ sở)	4632
7.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
8.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ rau, quả, chè, cà phê trong các cửa hàng chuyên doanh. (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh)	4722
9.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi)	5210
10.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, công nghiệp, bến	4299

	bãi, giao thông, thủy lợi; xây dựng hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp, khu du lịch	
11.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
12.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Rang và lọc cà phê; Sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hoà tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc; Sản xuất các chất thay thế cà phê (không hoạt động tại trụ sở)	1079

4.2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

- (a) Công ty thành lập và hoạt động nhằm đem lại lợi nhuận tối ưu cho cổ đông;
- (b) Tăng tích lũy phát triển sản xuất kinh doanh;
- (c) Làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước và xã hội;
- (d) Nâng cao thu nhập của người lao động trong Công ty.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

- 6.1. Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng (bằng chữ: hai trăm tỷ đồng).
- 6.2. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 20.000.000 (hai mươi triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 (mười ngàn) đồng/cổ phần.
- 6.3. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 6.4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ có cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Điều lệ này.
- 6.5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- 6.6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp tối thiểu hai mươi (20) ngày làm việc để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần

cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán theo phương pháp đấu giá.

- 6.7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
- 6.8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Sổ đăng ký cổ đông

- 7.1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính, trong trường hợp Công ty đăng ký lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký hoặc Công ty niêm yết thì sổ đăng ký cổ đông còn được lưu giữ cả tại Trung tâm lưu ký.
- 7.2. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.
- 7.3. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận sở hữu cổ phần tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Chứng nhận sở hữu cổ phần phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền.
- 7.4. Chứng chỉ chứng khoán khác như: trái phiếu, cổ phần ưu đãi sẽ được phát hành có dấu và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
- 7.5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
- 7.6. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- 7.7. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

- 8.1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- 8.2. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty.
- 8.3. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
- 8.4. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.
- 8.5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.
- 8.6. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty kể từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.
- 8.7. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

- 9.1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công Ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
- 9.2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), phương thức thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
- 9.3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
- 9.4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4, Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, phân phối lại theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
- 9.5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
- 9.6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 10. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

- 10.1. Công ty có quyền mua lại không quá ba mươi phần trăm (30%) tổng số cổ phần phổ thông đã bán.
- 10.2. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn mười hai (12) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- 10.3. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 133 Luật Doanh nghiệp. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ Công ty không quy định hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.
- 10.4. Việc mua lại cổ phần của Công ty chỉ được phép thực hiện nếu không ảnh hưởng đến việc thanh toán các công nợ của Công ty và tuân theo các quy định của pháp luật doanh nghiệp và chứng khoán hiện hành.
- 10.5. Cổ phần được mua lại được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 112 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Công ty mua lại trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
- 10.6. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn mười phần trăm (10%) thì Công ty phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 11. Phát hành trái phiếu

Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định tại Điều 130 Luật Doanh nghiệp và các quy định của Pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 12. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- 12.1. Đại hội đồng cổ đông
- 12.2. Hội đồng quản trị
- 12.3. Tổng giám đốc
- 12.4. Ban kiểm soát

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 13. Quyền của cổ đông

- 13.1. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phần của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
- 13.2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
- 13.3. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- 13.4. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- 13.5. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- 13.6. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- 13.7. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- 13.8. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- 13.9. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- 13.10. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- 13.11. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
- 13.12. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông có các quyền sau:
- 13.13. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 27.4 và Điều 39.3 của Điều lệ này;
- 13.14. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 của Luật Doanh nghiệp;
- 13.15. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng hoặc giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- 13.16. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ liên lạc, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông

và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

13.17. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều 19.4 của Điều lệ này;

13.18. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

14.1. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn số cổ phần cam kết mua. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

14.2. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

14.3. Cung cấp địa chỉ liên lạc, địa chỉ email, số điện thoại liên lạc chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

14.4. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi cho các tổ chức, cá nhân khác;

14.5. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 15. Đại hội đồng cổ đông

15.1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

15.2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

15.3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

15.4. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

15.5. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

- (a) Số thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
- 15.6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 13.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, hoặc Giấy chứng minh nhân dân, hoặc Hộ chiếu, hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty và căn cứ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
- 15.7. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- 15.8. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 15.9. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
- 15.10. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại như quy định tại Điều 15.3.(c) của Điều lệ này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại Điều 15.3.(d), (e) của Điều lệ này.
- 15.11. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 15.4.(a) của Điều lệ này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
- 15.12. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 15.4.(b) của Điều lệ này thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điều 15.3.(d) của Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
- Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.
- 15.13. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí ăn ở, đi lại và chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 16.1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- 16.2. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- 16.3. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
- 16.4. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- 16.5. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty;

- 16.6. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng thành viên Ban kiểm soát;
- 16.7. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- 16.8. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
- 16.9. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- 16.10. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- 16.11. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- 16.12. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần; Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- 16.13. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán được độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- 16.14. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- 16.15. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- 16.16. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- 16.17. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;
- 16.18. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- 16.19. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- 16.20. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- 16.21. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản Công ty hoặc chi nhánh có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty;
- 16.22. Thông qua quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- 16.23. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- 16.24. Chấp thuận các giao dịch sau:
- 16.25. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;
- 16.26. Giao dịch có giá trị từ 20% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
 - a. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên

quan của họ;

- b. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác của Công ty làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần;
 - d. Doanh nghiệp mà những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
- 16.27. Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
- 16.28. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 16.29. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- 16.30. Các hợp đồng, giao dịch quy định tại Điều 16.2 của Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng, giao dịch;
- 16.31. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
- 16.32. Tất cả các Nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 17. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 17.1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Điều 20.4 của Điều lệ này.
- 17.2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do Công ty phát hành (người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp) và phải có chữ ký theo quy định cụ thể như sau:
- 17.3. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
- 17.4. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
- 17.5. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
- 17.6. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây mà Công ty không nhận được

thông báo về sự kiện đó trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại:

- 17.7. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- 17.8. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
- 17.9. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều 18. Thay đổi các quyền

- 18.1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- 18.2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang nhau tại các cuộc họp nêu trên. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 21 của Điều lệ này.
- 18.3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 19. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và mời họp Đại hội đồng cổ đông

- 19.1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 15.4.(b), hoặc Điều 15.4.(c) của Điều lệ này.
- 19.2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
- 19.3. Lập danh sách các cổ đông có quyền dự họp. Danh sách này được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;
- 19.4. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- 19.5. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- 19.6. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

- 19.7. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- 19.8. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- 19.9. Gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông đến từng cổ đông có quyền dự họp;
- 19.10. Công tác khác phục vụ cuộc họp.
- 19.11. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 13.3 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ và tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- 19.12. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị quy định tại Điều 19.4 của Điều lệ này trong các trường hợp sau:
- 19.13. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Điều 19.4 của Điều lệ này;
- 19.14. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại Điều 19.4 của Điều lệ này thì chậm nhất là hai (2) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- 19.15. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Điều 19.4 của Điều lệ này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Điều 19.5 của Điều lệ này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 20. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- 20.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.
- 20.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 20.1 của Điều lệ này trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba phần trăm (33%) tổng phiếu biểu quyết trở lên.
- 20.3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 20.2 của Điều lệ này trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- 20.4. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
- 20.5. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- 20.6. Ủy quyền cho (những) cá nhân, (những) tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

- 20.7. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- 20.8. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
- 20.9. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 19.3 của Điều lệ này.

Điều 21. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

A. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết theo phương thức truyền thống

- 21.1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
- 21.2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.
- 21.3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- 21.4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một người chủ trì thay thế. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chỉ định ai cụ thể thì người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra đề cử một thư ký để lập biên bản Đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.
- 21.5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
- 21.6. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- 21.7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (3) ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- 21.8. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- 21.9. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- 21.10. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- 21.11. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Điều 21.7 của Điều lệ này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; hiệu lực của tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
- 21.12. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua; và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- 21.13. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an toàn, an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.
- 21.14. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
- 21.15. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
- 21.16. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
- 21.17. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

- 21.18. Trong trường hợp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:
- 21.19. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- 21.20. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;
- 21.21. Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
- 21.22. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

B. Thể thức tiến hành biểu quyết theo phương thức bỏ phiếu điện tử: Thực hiện theo Quy chế hướng dẫn bỏ phiếu điện tử của Công ty.

Điều 22. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- 22.1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu

quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

- 22.2. Trừ các trường hợp quy định tại Điều 22.4 của Điều lệ này, Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản):
- 22.3. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- 22.4. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- 22.5. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- 22.6. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty;
- 22.7. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
- 22.8. Các nghị quyết khác được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), trừ các trường hợp quy định tại Điều 22.2 và Điều 22.4 của Điều lệ này.
- 22.9. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

- 23.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Việc lấy ý kiến có thể thực hiện theo phương thức tuyên thống hoặc qua phương thức bỏ phiếu điện tử.
- 23.2. Lấy ý kiến bằng văn bản theo phương thức truyền thống:
- 23.3. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.
- 23.4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- 23.5. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- 23.6. Mục đích lấy ý kiến;

- 23.7. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- 23.8. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
- 23.9. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- 23.10. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- 23.11. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 23.12. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:
- 23.13. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- 23.14. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- 23.15. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
- 23.16. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- 23.17. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- 23.18. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- 23.19. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- 23.20. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- 23.21. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- 23.22. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- 23.23. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên website của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin

điện tử của Công ty.

- 23.24. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;
- 23.25. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 23.26. Lấy ý kiến bằng văn bản theo phương thức bỏ phiếu điện tử: Thực hiện theo Quy chế hướng dẫn bỏ phiếu điện tử của Công ty.

Điều 24. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 24.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.
- 24.2. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều 13.3 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- 25.1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Điều 26.2 của Điều lệ này;
- 25.2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 26. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- 26.1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
- 26.2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
- 26.3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của

Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

- 27.1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá ba (3) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế; nhiệm kỳ thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá hai (2) nhiệm kỳ liên tục. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
- 27.2. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
- 27.3. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phần có quyền họp thành nhóm để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị:
- 27.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (5%) đến dưới mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (1) ứng viên;
- 27.5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (2) ứng viên;
- 27.6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (3) ứng viên;
- 27.7. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (4) ứng viên;
- 27.8. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (5) ứng viên;
- 27.9. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) được đề cử tối đa sáu (6) ứng viên;
- 27.10. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ bảy mươi phần trăm (70%) đến dưới tám mươi phần trăm (80%) được đề cử tối đa bảy (7) ứng viên;
- 27.11. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ tám mươi phần trăm (80%) đến dưới chín mươi phần trăm (90%) được đề cử tối đa tám (8) ứng viên.

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
- 27.12. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
- 27.13. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

- 27.14. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
- 27.15. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 27.16. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Công ty, thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3) so với quy định để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
- 27.17. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 27.18. Không đề cử vào Hội đồng quản trị nhân viên của một đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán cho Công ty trong vòng một (01) năm qua.
- 27.19. Nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế có thời hạn đến hết nhiệm kỳ của các thành viên Hội đồng quản trị còn lại.
- 27.20. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

- 28.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 28.2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.
- 28.3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền và nghĩa vụ sau:
- 28.4. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- 28.5. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc và quyết định mức lương của họ;
- 28.6. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- 28.7. Kiến nghị các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- 28.8. Kiến nghị việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- 28.9. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
- 28.10. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và cán bộ quản lý của Công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- 28.11. Kiến nghị mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- 28.12. Kiến nghị việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;

- 28.13. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- 28.14. Trình báo cáo tài chính kiểm toán năm lên Đại hội đồng cổ đông.
- 28.15. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- 28.16. Xây dựng và ban hành Quy chế hướng dẫn bỏ phiếu điện tử của công ty theo quy định hiện hành về bỏ phiếu điện tử;
- 28.17. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
- 28.18. Thành lập các công ty con của Công ty;
- 28.19. Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- 28.20. Quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh) trừ các hợp đồng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông;
- 28.21. Việc vay, cho vay và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
- 28.22. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- 28.23. Quyết định đầu tư hoặc giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- 28.24. Việc ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc nhỏ hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- 28.25. Thông qua hợp đồng mua, bán, và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- 28.26. Việc Công ty mua và giá mua hoặc thu hồi không quá mười phần trăm (10%) mỗi loại cổ phần;
- 28.27. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
- 28.28. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- 28.29. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- 28.30. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- 28.31. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính.
- 28.32. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và

thường. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

- 28.33. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- 28.34. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- 28.35. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- 28.36. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị:
- 28.37. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong Công ty.
- 28.38. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 29. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

- 29.1. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
- 29.2. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty;
- 29.3. Không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong ba (3) năm liền trước đó;
- 29.4. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- 29.5. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- 29.6. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (1%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- 29.7. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong năm (5) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai nhiệm kỳ.
- 29.8. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc

không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 29.1 của Điều lệ này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu (6) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị liên quan.

- 29.9. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có nhiệm vụ và quyền hạn giống các thành viên Hội đồng quản trị khác, ngoài ra còn có các quyền hạn sau:
- 29.10. Đề xuất với Hội đồng quản trị tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc đề xuất với Ban kiểm soát tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị phản đối đề nghị này;
- 29.11. Thuê tổ chức tư vấn hoặc kiểm toán để thực hiện nhiệm vụ của mình;
- 29.12. Đưa ra ý kiến độc lập về các vấn đề liên quan đến kế hoạch khen thưởng, trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị và người quản lý Công ty;
- 29.13. Đưa ra ý kiến độc lập về các giao dịch lớn có liên quan và báo cáo cơ quan quản lý khi xét thấy cần thiết.

Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 30.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
- 30.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- 30.3. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- 30.4. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- 30.5. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- 30.6. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- 30.7. Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, ký thay mặt Đại hội đồng cổ đông trong các nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- 30.8. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- 30.9. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
- 30.10. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 31. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

- 31.1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ

phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

- 31.2. Các cuộc họp thường kỳ: Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (3) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
- 31.3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - 31.4. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (5) cán bộ quản lý;
 - 31.5. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - 31.6. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - 31.7. Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
- 31.8. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Điều 31.3 của Điều lệ này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc sau khi nhận được đề nghị họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Điều 31.3 của Điều lệ này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 31.9. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
- 31.10. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
- 31.11. Thông báo và chương trình họp của Hội Đồng Quản Trị: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Kiểm Soát ít nhất ba (3) ngày dương lịch trước khi tổ chức họp; các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể được làm bằng văn bản tiếng Việt hoặc tiếng Anh và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Kiểm Soát được đăng ký tại Công ty.

Đối với các cuộc họp bất thường nêu tại Điều 31.3 của Điều lệ này, thông báo mời họp có thể được gửi trong vòng hai mươi bốn (24) giờ trước giờ họp bằng fax, thư điện tử hoặc phương tiện điện tử khác nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát được đăng ký tại Công ty.

31.12. Số thành viên tham dự tối thiểu:

Cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (7) ngày dương lịch kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

31.13. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

31.14. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

31.15. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;

31.16. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức tương tự khác;

31.17. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

31.18. Biểu quyết

31.19. Trừ quy định tại Điều 31.10.(b) của Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết. Các thành viên không trực tiếp tham dự cuộc họp sẽ có quyền biểu quyết bằng cách gửi văn bản phiếu. Văn bản phiếu sẽ được niêm phong trong phong bì và trao cho Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị ít nhất là một (1) giờ trước khi khai mạc cuộc họp. Văn bản phiếu sẽ chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người tham dự cuộc họp;

31.20. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để tổ chức họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

31.21. Theo quy định tại Điều 31.10.(d) của Điều lệ này, khi có vấn đề phát sinh trong cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh này sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị còn lại là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố phù hợp;

31.22. Thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan trong hợp đồng được quy định tại Điều 37.4.(a), (b) của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

31.23. Thành viên Ban Kiểm Soát có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

31.24. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng

hoặc giao dịch này; hoặc thành viên này có thể công khai thông tin này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi biết mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

- 31.25. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 31.26. Hợp trên điện thoại hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- 31.27. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- 31.28. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này.

Tùy từng thời điểm, cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp theo hình thức họp trên điện thoại hoặc gửi ý kiến bằng văn bản trong thời hạn do Hội đồng quản trị ấn định được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại hoặc bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp hoặc thu thập ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn đã ấn định nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

- 31.29. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp. Nghị quyết này có thể được ký bởi Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 31.30. Biên bản họp Hội đồng quản trị: Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác tại trụ sở Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh và phải có họ tên và chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp; người ghi biên bản và chủ tọa. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Trường hợp nghị quyết Hội đồng quản trị đã được thông qua theo đúng quy định pháp luật nhưng có thành viên từ

chối ký biên bản thì chữ ký xác nhận việc tham dự họp được coi là chữ ký của họ tại biên bản họp.

- 31.31. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên không thuộc Hội đồng quản trị theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
- 31.32. Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.
- 31.33. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng Giám đốc, một số Phó tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc và các Phó tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 33. Cán bộ quản lý

- 33.1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và chức danh cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
- 33.2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

- 34.1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị

hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.

- 34.2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá ba (3) năm trừ và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.
- 34.3. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:
- 34.4. Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- 34.5. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, thành viên Ban kiểm soát của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ;
- 34.6. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.
- 34.7. Quyền hạn và nhiệm vụ:

Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- 34.8. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- 34.9. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- 34.10. Kiến nghị số lượng và các cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
- 34.11. Hằng năm, trước ngày 31 tháng 12, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp;
- 34.12. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
- 34.13. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- 34.14. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- 34.15. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật;
- 34.16. Ký quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm các chức danh theo phê duyệt chủ trương của Hội đồng quản trị;

- 34.17. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- 34.18. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- 34.19. Tuyển dụng lao động;
- 34.20. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- 34.21. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
- 34.22. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
- 34.23. Miễn nhiệm: Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 35. Thư ký Công ty

- 35.1. Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (1) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:
- 35.2. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- 35.3. Ghi chép biên bản các cuộc họp;
- 35.4. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- 35.5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- 35.6. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 36. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý được ủy thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

- 37.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
- 37.2. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
- 37.3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, đồng thời thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
- 37.4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:
- 37.5. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới hai mươi (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc
- 37.6. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi (20%) của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
- 37.7. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.
- 37.8. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc công ty con của Công

ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 38. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

- 38.1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
- 38.2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
- 38.3. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
- 38.4. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
- 38.5. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 39. Thành viên Ban kiểm soát

- 39.1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là ba (3) thành viên. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
- 39.2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- 39.3. Không phải là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý

khác của Công ty;

- 39.4. Không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty;
- 39.5. Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- 39.6. Không phải là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó;
- 39.7. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.
- 39.8. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên Ban kiểm soát thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
- 39.9. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- 39.10. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
- 39.11. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
- 39.12. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm năm (5%) cổ phần có quyền họp nhóm để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát.
- 39.13. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm (5%) đến dưới mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (1) thành viên;
- 39.14. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (2) thành viên;
- 39.15. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (3) ứng viên;
- 39.16. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (4) ứng viên;
- 39.17. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (5) ứng viên.
Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
- 39.18. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá ba (3) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
- 39.19. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
- 39.20. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;

- 39.21. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
- 39.22. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Ban kiểm soát

- 40.1. Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
- 40.2. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;
- 40.3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- 40.4. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
- 40.5. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;
- 40.6. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 13.3 của Điều lệ này;
- 40.7. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 13.3 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- 40.8. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- 40.9. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 36, Điều 37 của Điều lệ này phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- 40.10. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;
- 40.11. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ

được giao;

- 40.12. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- 40.13. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- 40.14. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
- 40.15. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (2) người.
- 40.16. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

- 41.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 13.3 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty trích lục các thông tin của chính mình trong danh sách cổ đông, các biên bản, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các biên bản, nghị quyết đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
- 41.2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
- 41.3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
- 41.4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản sao Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

CHƯƠNG XII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 42. Cổ tức

- 42.1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
- 42.2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
- 42.3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu trong trường hợp cổ đông không thực hiện quyền của mình theo đúng thời hạn thông báo.
- 42.4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán cổ tức bằng tiền mặt, bằng cổ phiếu của Công ty hoặc kết hợp cả hai hình thức.
- 42.5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.
- 42.6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
- 42.7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông của Công ty. Căn cứ theo danh sách chốt tại ngày đó, cổ đông sẽ được nhận các quyền của cổ đông theo quy định của pháp luật.
- 42.8. Công ty chỉ chia lợi nhuận cho các cổ đông phổ thông khi có đủ các điều kiện sau:
- 42.9. Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- 42.10. Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- 42.11. Ngay sau khi trả hết số cổ tức, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Điều 43. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN**Điều 44. Tài khoản ngân hàng**

- 44.1. Công ty sẽ mở ít nhất một tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
- 44.2. Theo chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
- 44.3. Công ty sẽ tiến hành các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 45. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá năm phần trăm (5%) lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng mười phần trăm (10%) vốn điều lệ của Công ty.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 dương lịch cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 dương lịch cùng năm.

Điều 47. Hệ thống kế toán

- 47.1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận, tuân thủ các chế độ kế toán dành cho công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn kèm theo. Công ty phải chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán – thống kê.
- 47.2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
- 47.3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XIV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

- 48.1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- 48.2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
- 48.3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- 48.4. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 49. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

- 50.1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.
- 50.2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
- 50.3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
- 50.4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
- 50.5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVI. CON DẤU

Điều 51. Con dấu

- 51.1. Người đại diện theo pháp luật có quyền quyết định về loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung con dấu của Công ty.
- 51.2. Việc sử dụng và quản lý con dấu tuân thủ theo quy định nội bộ của Công ty và pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

- 52.1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
- 52.2. Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- 52.3. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; hoặc
- 52.4. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
- 52.5. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Trình tự, thủ tục giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 53. Thanh lý

- 53.1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên, trong đó có ít nhất một thành viên từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
- 53.2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
- 53.3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
- 53.4. Các chi phí thanh lý;
- 53.5. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- 53.6. Nợ thuế;
- 53.7. Các khoản nợ khác;
- 53.8. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ

- 54.1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
- 54.2. Cổ đông với Công ty; hoặc
- 54.3. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu người đại diện pháp luật của công ty chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

- 54.4. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra để giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VIAC) theo Quy Tắc Tổ Tụng Trọng Tài của VIAC. Số lượng trọng tài viên là một. Địa điểm trọng tài là Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngôn ngữ được sử dụng trong tố tụng trọng tài là tiếng Việt.
- 54.5. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải.

CHƯƠNG XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

- 55.1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
- 55.2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XX. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 56. Ngày hiệu lực

- 56.1. Bản Điều lệ này gồm XX chương 56 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Hiệu Việt nhất trí thông qua ngày tháng năm 2021 và Điều lệ này bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày được thông qua.
- 56.2. Điều lệ được lập thành bảy (7) bản (5 bản tiếng Việt và 2 bản tiếng Anh), có giá trị như nhau, trong đó:
- 56.3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty;
- 56.4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên của Hội quản trị mới có giá trị.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng năm 2021

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT